

SỞ Y TẾ THANH HÓA
BỆNH VIỆN UNG BƯỚU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1156/QĐ- BVUB

Thanh Hóa, ngày 01 tháng 10 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách 9 tháng đầu năm 2024 của Bệnh viện Ung bướu Tỉnh Thanh Hóa

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;
Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 06 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

Căn cứ thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của bộ tài chính, sửa đổi bổ sung một số điều thông tư 61/2017/TT-BTC.

Căn cứ thông báo số 7780/TB-STC ngày 19/12/2023 của Sở Tài chính Thanh Hóa về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024.

Căn cứ thông báo số 2034/STC-HCSN ngày 17/04/2024 của Sở Tài chính Thanh Hóa về việc bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2024.

Căn cứ thông báo số 2174/TB-SYT ngày 08/05/2024 của Sở Y Tế Thanh Hóa về việc bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2024.

Xét đề nghị của ông Kế toán trưởng

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách 9 tháng đầu năm 2024 của Bệnh viện Ung Bướu Tỉnh Thanh Hóa (theo các biểu đính kèm)

Địa điểm công khai: Tầng 2 phòng giao ban Bệnh viện Ung bướu tỉnh TH

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng phòng Tài chính Kế toán, Trưởng phòng KHTH và các khoa phòng liên quan trong đơn vị tổ chức thực hiện quyết định này./.

Nơi nhận:

- Sở Tài chính
- Như điều 3
- Lưu :TCKT, Văn thư



Trần Văn Thiết

Biểu số 3 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính
Đơn vị: Bệnh viện Ung bướu tỉnh Thanh Hoá **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Chương: **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thanh Hoá, ngày 01 tháng 10 Năm 2024

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2024

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ sau:

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 9 tháng đầu năm 2024	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện 9 tháng đầu năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	7.807			
I	Số thu phí, lệ phí	7.807			
1	Nguồn kinh phí thường xuyên giao tự chủ	6.750	6.696	99	99
2	Nguồn kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	895	895	100	
3	Nguồn kinh phí thường xuyên không giao tự chủ năm trước chuyển sang	162	162	100	100
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp.....				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
	Lệ phí...				
2	Phí				
	Phí ...				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước				

I	Nguồn ngân sách trong nước				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	7.753	7.753		
4.1	Nguồn kinh phí thường xuyên giao tự chủ	6.696	6.696		
	6000-Chi tiền lương	4.156	4.156	100	100
	6100- Phụ cấp lương	1.782	1.782	100	100
	6300- Các khoản đóng góp	758	758	100	100
4.2	Nguồn kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	1.057	1.057		
	7753- Chi khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh	895	895	100	
	Đề tài nghiên cứu khoa học cấp tỉnh	162	162	100	100
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				

9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Dự án A				
5.2	Dự án B				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				
6.2	Dự án B				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Dự án A				
7.2	Dự án B				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Dự án A				
8.2	Dự án B				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				

1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
3.1	Dự án A				
3.2	Dự án B				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Dự án A				
4.2	Dự án B				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Dự án A				
2.2	Dự án B				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Dự án A				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Dự án A				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Dự án A				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Dự án A				
9.2	Dự án B				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Dự án A				
10.2	Dự án B				

Ngày 01 tháng 10 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị

(Chữ ký, dấu)



Trần Văn Thiết